

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Tân và ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 502/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1976, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Số C khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành T1, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Cư trú: Số C khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1 được mai mối, tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Đến ngày 29/01/2001, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001 ngày 29/01/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không quan tâm đến vợ con, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà chửi vợ con. Bà T đã nhiều lần khuyên răn

nhưng ông T1 không thay đổi. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Lê Trần T2, sinh ngày 13/10/2001, Lê Trần T3, sinh ngày 12/11/2003 và Lê Trần Anh T4, sinh ngày 10/02/2008. Hiện nay con chung tên Lê Trần T2 và Lê Trần T3 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Lê Trần Anh T4 đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Anh T4 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Lê Thành T1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thanh T tranh chấp về ly hôn với ông Lê Thành T1, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Thành T1 có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thành T1 đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1 tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường

M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001 ngày 29/01/2001. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thành T1. Bà Trần Thị Thanh T cho rằng trong quá trình chung sống ông Lê Thành T1 không quan tâm đến vợ con, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà chửi vợ con. Bà Trần Thị Thanh T đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông Lê Thành T1 không thay đổi.

[3.1.2] Hội đồng xét xử xét: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thành T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham dự các phiên tòa. Điều này thể hiện ông Lê Thành T1 không muốn đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1 có 03 (ba) con chung tên Lê Trần T2, sinh ngày 13/10/2001, Lê Trần T3, sinh ngày 12/11/2003 và Lê Trần Anh T4, sinh ngày 10/02/2008. Hiện nay con chung tên Lê Trần T2 và Lê Trần T3 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Lê Trần Anh T4 đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Anh T4 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.2.1] Xét thấy, cháu Lê Trần Anh T4, sinh ngày 10/02/2008 chưa thành niên, hiện đang sống chung với bà Trần Thị Thanh T, cháu Lê Trần Anh T4 có nguyện vọng được sống chung với bà Trần Thị Thanh T và bà Trần Thị Thanh T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Trần Anh T4. Ông Lê Thành T1 không có ý kiến về yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Lê Trần Anh T4, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Trần Anh T4 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà Trần Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Thành T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông Lê Thành T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trần Thị Thanh T thì bà Trần Thị Thanh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lê Thành T1.

[3.2.3] Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1 có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu ông Lê Thành T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Lê Thành T1 cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T. Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Thành T1.

2/ Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Trần Anh T4, sinh ngày 10/02/2008.

Bà Trần Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Thành T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông Lê Thành T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trần Thị Thanh T thì bà Trần Thị Thanh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lê Thành T1.

Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1 có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

3/ Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002223 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Trần Thị Thanh T đã thực hiện xong.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh T và ông Lê Thành T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan